

Công ty Cổ phần Ô tô Trường Hải

Báo cáo tài chính riêng

Ngày 30 tháng 06 năm 2017



Công ty Cổ phần Ô tô Trường Hải

MỤC LỤC

	<i>Trang</i>
Thông tin chung	1
Báo cáo của Hội đồng Quản trị	2-3
Bảng cân đối kế toán riêng	4 - 5
Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng	6
Báo cáo lưu chuyển tiền tệ riêng	7 - 8
Thuyết minh báo cáo tài chính riêng	9 - 34

Công ty Cổ phần Ô tô Trường Hải

BÁO CÁO CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

CÔNG TY

Công ty Cổ phần Ô tô Trường Hải ("Công ty") là một công ty cổ phần được thành lập theo Luật Doanh nghiệp của Việt Nam theo Giấy Chứng nhận Đăng ký Kinh doanh số 4703000375 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Tỉnh Đồng Nai cấp vào ngày 6 tháng 4 năm 2007 và các Giấy Chứng nhận Đăng ký Kinh doanh điều chỉnh.

Hoạt động chính đăng ký của Công ty là sản xuất và lắp ráp xe thương mại, xe du lịch và ô tô khách; sửa chữa, bảo trì, bán phụ tùng các loại xe ô tô; xây dựng công trình công nghiệp và giao thông; mua bán xe ô tô và xe có động cơ; mua bán máy san ủi, trải nhựa, rải đường, máy trộn bê tông, máy kéo bánh xích; mua bán máy nông ngư cơ, máy móc, thiết bị công nghiệp; và dịch vụ thiết kế công nghiệp, máy móc, xe cộ.

Công ty có trụ sở chính đăng ký tại Số 19, Khu Công nghiệp Biên Hòa II, Đường 2A, Phường An Bình, Thành phố Biên Hòa, Tỉnh Đồng Nai, Việt Nam và có văn phòng đại diện tại Số 80 Đường Nguyễn Văn Trỗi, Phường 8, Quận Phú Nhuận, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam. Ngoài ra, Công ty còn có 48 chi nhánh tại các tỉnh thành khác của Việt Nam.

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Các thành viên Hội đồng Quản trị trong năm và vào ngày lập báo cáo này như sau:

Ông Trần Bá Dương	Chủ tịch
Ông Nguyễn Hùng Minh	Phó Chủ tịch
Bà Viên Diệu Hoa	Thành viên
Ông Cheah Kim Teck	Thành viên
Ông Lê Trọng Sánh	Thành viên
Ông Adrian Teng	Thành viên
Ông Mai Phước Nghê	Thành viên
Ông Bùi Kim Kha	Thành viên
Bà Nguyễn Thiện Mỹ	Thành viên

Bổ nhiệm ngày 12 tháng 04 năm 2017

BAN KIỂM SOÁT

Các thành viên Ban kiểm soát trong năm và vào ngày lập báo cáo này như sau:

Ông Nguyễn Phúc Thịnh	Trưởng Ban Kiểm soát
Ông Đặng Công Trục	Thành viên
Bà Huỳnh Thị Thanh Thảo	Thành viên

BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Các thành viên Ban Tổng Giám đốc trong năm và vào ngày lập báo cáo này như sau:

Ông Nguyễn Hùng Minh	Tổng Giám đốc
Ông Thái Duy Hùng	Phó Tổng Giám đốc
Ông Phạm Văn Tài	Phó Tổng Giám đốc
Ông Bùi Kim Kha	Phó Tổng Giám đốc
Ông Mai Phước Nghê	Phó Tổng Giám đốc
Bà Nguyễn Thiện Mỹ	Phó Tổng Giám đốc

NGƯỜI ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT

Người đại diện theo pháp luật của Công ty trong năm và vào ngày lập báo cáo này là Ông Trần Bá Dương.

Công ty Cổ phần Ô tô Trường Hải

BÁO CÁO CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Hội đồng Quản trị Công ty Cổ phần Ô tô Trường Hải ("Công ty") trân trọng trình bày báo cáo này và báo cáo tài chính riêng của Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2017.

TRÁCH NHIỆM CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC ĐỐI VỚI BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG

Ban Tổng Giám đốc chịu trách nhiệm đảm bảo báo cáo tài chính riêng cho từng năm tài chính phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính riêng, kết quả hoạt động kinh doanh riêng và tình hình lưu chuyển tiền tệ riêng của Công ty trong năm. Trong quá trình lập báo cáo tài chính riêng này, Ban Tổng Giám đốc cần phải:

- ▶ Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách này một cách nhất quán;
- ▶ Thực hiện các đánh giá và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- ▶ Nêu rõ các chuẩn mực kế toán áp dụng cho Công ty có được tuân thủ hay không và tất cả những sai lệch trọng yếu so với những chuẩn mực này đã được trình bày và giải thích trong báo cáo tài chính riêng; và
- ▶ Lập báo cáo tài chính riêng trên cơ sở nguyên tắc hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động.

Ban Tổng Giám đốc chịu trách nhiệm đảm bảo việc các sổ sách kế toán thích hợp được lưu giữ để phản ánh tình hình tài chính riêng của Công ty, với mức độ chính xác hợp lý, tại bất kỳ thời điểm nào và đảm bảo rằng các sổ sách kế toán tuân thủ với chế độ kế toán đã được áp dụng. Ban Tổng Giám đốc cũng chịu trách nhiệm về việc quản lý các tài sản của Công ty và do đó phải thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và những vi phạm khác.

Ban Tổng Giám đốc cam kết đã tuân thủ những yêu cầu nêu trên trong việc lập báo cáo tài chính riêng kèm theo.

PHÊ DUYỆT BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG

Chúng tôi phê duyệt báo cáo tài chính riêng kèm theo đã phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính riêng của Công ty vào ngày 30 tháng 06 năm 2017, kết quả hoạt động kinh doanh riêng và tình hình lưu chuyển tiền tệ riêng cho năm tài chính kết thúc cùng ngày phù hợp với các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính riêng.

Công ty là công ty mẹ của các công ty con được trình bày tại Thuyết minh số 17.1 của báo cáo tài chính riêng và báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty và các công ty con ("Tập đoàn") cho năm tài chính kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2017 được lập theo các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đã được phát hành riêng rẽ.

Người sử dụng nên đọc báo cáo tài chính riêng này cùng với báo cáo tài chính hợp nhất của Tập đoàn cho năm tài chính kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2017 để có được thông tin đầy đủ về tình hình tài chính hợp nhất, kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và tình hình lưu chuyển tiền tệ hợp nhất của Tập đoàn.

Tổng giám đốc



Nguyễn Hùng Minh

Ngày 20 tháng 7 năm 2017

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN RIÊNG
vào ngày 30 tháng 06 năm 2017

Ngân VND

TÀI SẢN	Mã số	Tại ngày 30/06/2017	Tại ngày 31/03/2017
A. TÀI SẢN NGẮN HẠN	100	7.733.451.020	7.370.454.059
I. Tiền và các khoản tương đương tiền	110	112.385.527	88.869.909
1. Tiền	111	112.385.527	88.869.909
II. Đầu tư tài chính ngắn hạn	120	461.624.108	453.795.909
1. Chứng khoán kinh doanh	121	300.322.358	300.322.358
3. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	123	161.301.750	153.473.551
III. Các khoản phải thu ngắn hạn	130	6.114.747.264	5.474.558.593
1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	828.633.447	858.930.740
2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	132	1.920.503.175	1.941.688.936
5. Phải thu về cho vay ngắn hạn	135	398.643.004	162.444.848
6. Phải thu ngắn hạn khác	136	2.972.348.247	2.516.881.401
7. Dự phòng các khoản phải thu ngắn hạn khó đòi (*)	137	(5.641.511)	(5.675.336)
8. Tài sản thiếu chờ xử lý	139	260.902	288.003
IV. Hàng tồn kho	140	922.331.091	1.276.172.594
1. Hàng tồn kho	141	923.249.017	1.277.461.162
2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho (*)	149	(917.926)	(1.288.568)
V. Tài sản ngắn hạn khác	150	122.363.031	77.057.054
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151	86.313.291	30.948.256
2. Thuế giá trị gia tăng được khấu trừ	152	36.049.739	46.107.798
3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	153	-	1.000
B. TÀI SẢN DÀI HẠN	200	20.540.152.628	20.150.818.156
I. Các khoản phải thu dài hạn	210	1.174.893.194	935.012.995
5. Phải thu về cho vay dài hạn	215	16.497.949	16.497.949
6. Phải thu dài hạn khác	216	1.158.395.245	918.515.046
II. Tài sản cố định	220	4.511.961.810	4.538.024.768
1. Tài sản cố định hữu hình	221	780.454.468	810.497.385
- Nguyên giá	222	1.280.932.799	1.278.277.131
- Giá trị hao mòn lũy kế (*)	223	(500.478.332)	(467.779.746)
3. Tài sản cố định vô hình	227	3.731.507.343	3.727.527.384
- Nguyên giá	228	3.811.932.500	3.796.862.548
- Giá trị hao mòn lũy kế (*)	229	(80.425.157)	(69.335.164)
IV. Tài sản dở dang dài hạn	240	564.833.767	470.528.682
2. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	242	564.833.767	470.528.682
V. Đầu tư tài chính dài hạn	250	14.158.799.310	14.074.003.120
1. Đầu tư vào công ty con	251	14.212.462.395	14.112.565.020
2. Đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết	252	7.140.000	7.140.000
3. Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	253	62.500.369	62.500.369
4. Dự phòng đầu tư tài chính dài hạn (*)	254	(123.303.454)	(108.202.269)
VI. Tài sản dài hạn khác	260	129.664.547	133.248.591
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	120.614.411	124.198.456
2. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại	262	9.050.136	9.050.136
TỔNG CỘNG TÀI SẢN (270 = 100 + 200)	270	28.273.603.648	27.521.272.215

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN RIÊNG (tiếp theo)
vào ngày 30 tháng 06 năm 2017

Ngân VND

NGUỒN VỐN	Mã số	Tại ngày 30/06/2017	Tại ngày 31/03/2017
C. NỢ PHẢI TRẢ	300	4.715.130.335	5.221.904.241
I. Nợ ngắn hạn	310	4.703.901.807	5.210.675.235
1. Phải trả người bán ngắn hạn	311	2.058.803.608	2.372.181.416
2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312	273.997.610	143.731.065
3. Thuế và các khoản phải nộp nhà nước	313	24.213.881	12.682.455
4. Phải trả người lao động	314	685.696	2.673.064
5. Chi phí phải trả ngắn hạn	315	59.323.204	44.093.588
8. Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn	318	999.942	1.093.717
9. Phải trả ngắn hạn khác	319	95.114.558	98.029.933
10. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	320	2.190.601.581	2.536.028.271
12. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	322	161.727	161.727
II. Nợ dài hạn	330	11.228.527	11.229.006
7. Phải trả dài hạn khác	337	8.000.000	8.000.000
12. Dự phòng phải trả dài hạn	342	3.228.527	3.229.006
D. VỐN CHỦ SỞ HỮU	400	23.558.473.314	22.299.367.975
I. Vốn chủ sở hữu	410	23.558.473.314	22.299.367.975
1. Vốn góp của chủ sở hữu	411	4.145.000.000	4.145.000.000
- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	411a	4.145.000.000	4.145.000.000
2. Thặng dư vốn cổ phần	412	2.998.618.837	2.998.618.837
5. Cổ phiếu quỹ (*)	415	(6.840.000)	(6.840.000)
11. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421	16.421.694.477	15.162.589.138
- LNST chưa phân phối lũy kế đến cuối kỳ trước	421A	13.927.768.445	15.170.728.445
- LNST chưa phân phối kỳ này	421B	2.493.926.032	(8.139.307)
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN (440 = 300 + 400+500)	440	28.273.603.648	27.521.272.215


Đỗ Thị Liên Chi
Người lập


Nguyễn Hoàng Phi
Kế toán trưởng


Nguyễn Hùng Minh
Tổng giám đốc

Ngày 20 tháng 7 năm 2017

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH RIÊNG
cho năm tài chính kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2017

Ngàn VND

Chỉ tiêu	Mã số	Quý II.2017	Quý II.2016
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	8.262.826.248	10.745.981.784
2. Các khoản giảm trừ	02	5.662.216	(11.072.173)
3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	10	8.257.164.032	10.757.053.956
4. Giá vốn hàng bán	11	7.947.657.893	10.369.108.602
5. Lợi nhuận gộp bán hàng và cung cấp dịch vụ	20	309.506.139	387.945.354
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	2.530.653.626	3.490.736.355
7. Chi phí tài chính	22	36.398.898	124.069.495
- Trong đó: Chi phí lãi vay	23	16.060.061	23.832.829
8. Phần lãi hoặc lỗ trong công ty liên doanh, liên kết	24	-	-
9. Chi phí bán hàng	25	129.181.814	130.294.305
10. Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	128.987.913	131.162.024
11. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	30	2.545.591.140	3.493.155.886
12. Thu nhập khác	31	28.775.894	29.956.390
13. Chi phí khác	32	63.251.890	12.832.383
14. Lợi nhuận khác	40	-34.475.996	17.124.007
15. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	50	2.511.115.143	3.510.279.893
16. Chi phí thuế TNDN hiện hành	51	9.049.804	48.368.443
17. Chi phí thuế TNDN hoãn lại	52	-	-
18. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	60	2.502.065.339	3.461.911.450


Đỗ Thị Liên Chi
Người lập


Nguyễn Hoàng Phi
Kế toán trưởng



Nguyễn Hùng Minh
Tổng giám đốc

Ngày 20 tháng 7 năm 2017

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ RIÊNG
cho năm tài chính kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2017


Ngàn VND

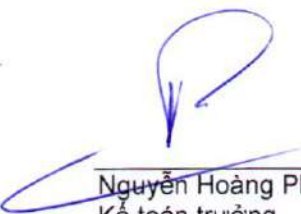
Chi tiêu	Mã số	Quý II.2017	Quý II.2016
I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh			
1. Lợi nhuận trước thuế	01	2.511.115.143	3.510.279.893
- Khấu hao TSCĐ và BĐSĐT	02	46.101.199	38.428.120
- Các khoản dự phòng	03	(404.946)	(2.869.727)
- Lãi, lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại	04	(13.586.894)	82.513.607
- Lãi, lỗ từ hoạt động đầu tư	05	(2.441.017.003)	(3.473.868.129)
- Chi phí lãi vay	06	16.060.061	23.832.829
- Các khoản điều chỉnh khác	07	-	-
3. Lợi nhuận kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động	08	118.267.560	178.316.593
- Tăng, giảm các khoản phải thu	09	91.360.735	6.049.619.045
- Tăng giảm hàng tồn kho	10	365.991.244	(465.017.268)
- Tăng, giảm các khoản phải trả (không kể lãi vay phải trả, thuế thu nhập phải nộp)	11	(173.212.842)	107.089.408
- Tăng, giảm chi phí trả trước	12	(105.535.344)	(17.323.803)
- Tăng, giảm chứng khoán kinh doanh	13	-	-
- Tiền lãi vay đã trả	14	(15.627.274)	(21.652.863)
- Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	15	(2.188.891)	(1.934.383)
- Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	16	2.210.590	-
- Tiền chi khác từ hoạt động kinh doanh	17	-	-
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20	281.265.778	5.829.096.731
1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ và các TS dài hạn khác	21	(121.384.998)	(912.828.338)
2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	22	41.150	20.321
3. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác	23	(236.198.156)	-
4. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác	24	-	3.253.211
5. Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	25	(99.897.375)	(6.005.566.000)
6. Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	26	-	-
7. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27	1.776.033.131	1.067.347.613
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30	1.318.593.752	-5.847.773.192


BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ RIÊNG (tiếp theo)
cho năm tài chính kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2017

Ngàn VND

Chi tiêu	Mã số	Quý II.2017	Quý II.2016
1. Tiền thu từ phát hành cổ phiếu, nhận vốn góp của chủ sở hữu	31	-	-
2. Tiền chi trả vốn góp cho các chủ sở hữu, mua lại cổ phiếu của doanh nghiệp đã phát hành	32	-	-
3. Tiền vay ngắn hạn, dài hạn nhận được	33	901.818.143	3.499.947.133
4. Tiền chi trả nợ gốc vay	34	(1.243.992.504)	(2.410.467.913)
5. Tiền chi trả nợ thuê tài chính	35	-	-
6. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36	(1.234.163.323)	(1.243.248.050)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40	(1.576.337.685)	(153.768.830)
Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ	50	23.521.846	(172.445.292)
Tiền và tương đương tiền đầu kỳ	60	88.869.909	420.572.522
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61	(6.228)	117.549
Tiền và tương đương tiền cuối kỳ	70	112.385.527	248.244.776


Đỗ Thị Liên Chi
Người lập


Nguyễn Hoàng Phi
Kế toán trưởng


Nguyễn Hùng Minh
Tổng giám đốc



Ngày 20 tháng 7 năm 2017